TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **195**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01/12/2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Phan Thanh Tòng

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Kim Th – sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Th, xã H, huyện K, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Anh Trần Kiên G – sinh năm 1984, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: như trên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lâm Kim Th trình bày: Chị với anh G chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng do không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nay chị xin được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm: Trần Lâm Anh Kh – sinh ngày 16/9/2006 và Trần Lâm Tâm Nh – sinh ngày 11/5/2014.

Nay ly hôn chị xin được nuôi 02 người con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ anh Hồng Chí Th 40.000.000đ, nợ chị Trần Thị Mỹ D gần 30.000.000đ và nợ Ngân hàng chính sách xã hội K số tiền vay là 12.000.000đ, chị đã thỏa thuận xong về số nợ và cách trả nợ với các chủ nợ và ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Theo lời khai của anh Trần Kiên G trình bày: Anh với chị Th chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do hay cự cãi nhau. Nay chị Th xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm: Trần Lâm Anh Kh – sinh ngày 16/9/2006 và Trần Lâm Tâm Nh – sinh ngày 11/5/2014.

Anh đồng ý giao cho chị Th tiếp tục nuôi 02 người con và không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ anh Hồng Chí Th 40.000.000đ, nợ chị Trần Thị Mỹ D gần 30.000.000đ và nợ Ngân hàng chính sách xã hội K số tiền vay là 12.000.000đ, anh đã thỏa thuận xong số nợ và cách trả nợ với các chủ nợ và ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Những người có liên quan gồm Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh K – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội K, anh Hồng Chí Th và chị Trần Thị Mỹ D đều có ý kiến: chị Th và anh G có nợ tiền nhưng đã thương lượng được nên không có tranh chấp và chưa có yêu cầu trả nợ trong vụ án, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì kiện thành vụ án dân sự khác, đồng thời có yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Kiên G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Kim Th với anh Trần Kiên G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, do chưa đăng ký kết

hôn nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị Th với anh G đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định :"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý….".* Vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do quan hệ hôn nhân không có giá trị pháp lý nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Kim Th với anh Trần Kiên G theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm, Trần Lâm Anh Kh – sinh ngày 16/9/2006 và Trần Lâm Tâm Nh – sinh ngày 11/5/2014. Xét thấy, giữa chị Th với anh G đã thỏa thuận về việc anh G đồng ý giao 02 người con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, hơn nữa chị Th cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th với anh G, giao cháu Kh và Nh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng (cháu Kh có nguyện vọng muốn được sống với chị Th). Anh G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th và anh G cùng với các chủ nợ đã tự thương lượng được và những người liên quan cũng không có yêu cầu giải quyết về quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong vụ án này, đồng thời có yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hiện tại không tranh chấp về phần nợ, nên sau khi xét xử các đương sự có tranh chấp về phần tiền nợ thì khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác, vì vậy Hội đồng xét xử không đưa những người liên quan này vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ, do chị Th yêu cầu nên phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các điều 9, 14, 53 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Kim Th với anh Trần Kiên G.

- Về quan hệ con chung: Có 02 người con chung gồm Trần Lâm Anh Kh – sinh ngày 16/9/2006 và Trần Lâm Tâm Nh – sinh ngày 11/5/2014.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Th với anh G về việc: Giao 02 người con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Anh G được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th và anh G.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ chị Th phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo lai thu số 0001836 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

3. Báo cho chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/12/2017). Anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân